

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO
TẠO
Số: 24/2017/TT-BGDĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO
TẠO**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 24/2017/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2017

THÔNG TƯ

BAN HÀNH DANH MỤC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO CẤP IV TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục đại học;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học.

Điều 2. Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện phân loại, thống kê, bổ sung các ngành mới vào Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học. Căn cứ các ngành được phép đào tạo, các cơ sở giáo dục đại học chủ động phát triển các chuyên ngành đào tạo để đáp ứng nhu cầu xã hội.

Điều 3. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2017 và thay thế các nội dung quy định đối với Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học tại Thông tư số 14/2010/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ cao đẳng, đại học và Thông tư số 32/2013/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 8 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ cao đẳng, đại học ban hành kèm theo Thông tư số 14/2010/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 4 năm 2010.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục đại học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc các đại học, học viện, Hiệu trưởng các trường đại học, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Ủy ban VHGDNTN-NĐ của Quốc hội;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

Bùi Văn Ga

- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Hội đồng Quốc gia GD&PTNNL;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Như Điều 4 (để thực hiện);
- Lưu: VT, Vụ GDĐH, Vụ PC.

DANH MỤC

GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO CẤP IV TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

1. Ngành đào tạo là tập hợp những kiến thức, kỹ năng chuyên môn liên quan đến một lĩnh vực khoa học hay một lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp nhất định. Bên cạnh khối kiến thức cơ bản và kiến thức cơ sở (của khối ngành, nhóm ngành), khối kiến thức ngành (gồm kiến thức chung và kiến thức chuyên sâu của ngành) trong mỗi chương trình đào tạo trình độ đại học phải có khối lượng tối thiểu 30 tín chỉ không trùng với kiến thức ngành của các ngành gần trong khối ngành, nhóm ngành.
2. Mã ngành là chuỗi số liên tục gồm bảy chữ số, trong đó từ trái sang phải được quy định như sau: chữ số đầu tiên quy định mã trình độ đào tạo; hai chữ số thứ hai và thứ ba quy định mã lĩnh vực đào tạo; hai chữ số thứ tư và thứ năm quy định mã nhóm ngành đào tạo; hai chữ số cuối quy định mã ngành đào tạo.

3. Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học

Mã số	Tên tiếng Việt
714	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên
71401	Khoa học giáo dục
7140101	Giáo dục học
7140114	Quản lý giáo dục
71402	Đào tạo giáo viên
7140201	Giáo dục Mầm non
7140202	Giáo dục Tiểu học
7140203	Giáo dục Đặc biệt
7140204	Giáo dục Công dân
7140205	Giáo dục Chính trị
7140206	Giáo dục Thể chất
7140207	Huấn luyện thể thao
7140208	Giáo dục Quốc phòng - An ninh
7140209	Sư phạm Toán học
7140210	Sư phạm Tin học
7140211	Sư phạm Vật lý
7140212	Sư phạm Hóa học
7140213	Sư phạm Sinh học
7140214	Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp
7140215	Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp
7140217	Sư phạm Ngữ văn
7140218	Sư phạm Lịch sử
7140219	Sư phạm Địa lý
7140221	Sư phạm Âm nhạc
7140222	Sư phạm Mỹ thuật

7140223	Sư phạm Tiếng Bana
7140224	Sư phạm Tiếng Êđê
7140225	Sư phạm Tiếng Jrai
7140226	Sư phạm Tiếng Khmer
7140227	Sư phạm Tiếng H'mong
7140228	Sư phạm Tiếng Chăm
7140229	Sư phạm Tiếng M'nông
7140230	Sư phạm Tiếng Xê đăng
7140231	Sư phạm Tiếng Anh
7140232	Sư phạm Tiếng Nga
7140233	Sư phạm Tiếng Pháp
7140234	Sư phạm Tiếng Trung Quốc
7140235	Sư phạm Tiếng Đức
7140236	Sư phạm Tiếng Nhật
7140237	Sư phạm Tiếng Hàn Quốc
7140245	Sư phạm nghệ thuật
7140246	Sư phạm công nghệ
7140247	Sư phạm khoa học tự nhiên
7140248	Giáo dục pháp luật
71490	Khác
721	Nghệ thuật
72101	Mỹ thuật
7210101	Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật
7210103	Hội hoạ
7210104	Đồ hoạ
7210105	Điêu khắc
7210107	Gốm